Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 395/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 113/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội; quy định chi tiết một số nội dung tại:

a) Khoản 3 Điều 47 Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

b) Khoản 2 Điều 20 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12.

2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức thi hành Luật Người khuyết tật, Luật Người cao tuổi, Luật Trẻ em, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo quy định pháp luật về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập do các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thành lập, quản lý và hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức, hoạt động và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

Điều 3. Các loại hình của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi.

2. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật.

4. Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí.

5. Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội.

6. Trung tâm công tác xã hội.

7. Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Người cao tuổi.

8. Cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Người khuyết tật.

9. Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Người khuyết tật.

10. Cơ sở trợ giúp xã hội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng phục vụ của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội; đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp khác gồm nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới.

2. Đối tượng tự nguyện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP của Chính phủ có nhu cầu chăm sóc, trợ giúp tại cơ sở trợ giúp xã hội, tự nguyện đóng góp kinh phí theo thỏa thuận hoặc có người thân, người nhận bảo trợ hoặc người giám hộ đóng góp kinh phí, thực hiện theo Mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ chăm sóc tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định này.

Chương II
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Điều 5. Chức năng của cơ sở trợ giúp xã hội

Cơ sở trợ giúp xã hội có chức năng phòng ngừa, chăm sóc, nuôi dưỡng, can thiệp, trị liệu hỗ trợ phục hồi, phát triển và hòa nhập cộng đồng cho đối tượng.

Điều 6. Nhiệm vụ của cơ sở trợ giúp xã hội

Cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện một số hoặc đầy đủ các nhiệm vụ sau đây phù hợp với chức năng, loại hình cơ sở, đối tượng phục vụ, yêu cầu hoạt động theo quy định của pháp luật, cụ thể:

1. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc, trợ giúp khẩn cấp

a) Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp;

b) Đánh giá các nhu cầu của đối tượng; sàng lọc và phân loại đối tượng. Trường hợp cần thiết thì chuyển gửi đối tượng tới các cơ sở y tế, giáo dục, cơ quan công an, tư pháp hoặc các cơ quan, tổ chức phù hợp khác theo quy định của pháp luật;

c) Bảo đảm sự an toàn và đáp ứng các nhu cầu bảo vệ khẩn cấp của đối tượng như: chăm sóc y tế, nơi tạm trú an toàn, nước uống, thực phẩm, quần áo, đồ dùng thiết yếu và đi lại.

2. Tham vấn, trị liệu rối nhiễu tâm trí, khủng hoảng tâm lý và phục hồi thể chất cho đối tượng.

3. Tư vấn và trợ giúp đối tượng thụ hưởng các chính sách trợ giúp xã hội; kết nối, phối hợp và giới thiệu đến Trung tâm trợ giúp pháp lý để thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý có nhu cầu; phối hợp với các cơ quan, tổ chức phù hợp khác để bảo vệ, trợ giúp đối tượng; tìm kiếm, sắp xếp các hình thức chăm sóc.

4. Đánh giá nhu cầu, sàng lọc, phân loại đối tượng; xây dựng kế hoạch can thiệp và trợ giúp đối tượng; giám sát và rà soát, đánh giá các hoạt động can thiệp, trợ giúp và điều chỉnh kế hoạch; lập hồ sơ quản lý trường hợp và lưu trữ hồ sơ hoặc thực hiện kế hoạch can thiệp, trợ giúp mới (nếu đối tượng có nhu cầu).

5. Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện đặc biệt khó khăn, không tự lo được cuộc sống và không có điều kiện sinh sống tại gia đình, cộng đồng.

6. Cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh hoặc kết nối với các cơ sở y tế cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; kết nối chuyển gửi đối tượng đến cơ sở khác phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu của đối tượng.

7. Tổ chức hoạt động phục hồi chức năng, trợ giúp các đối tượng trong các hoạt động tự quản, văn hóa, thể thao, các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi và sức khỏe của từng nhóm đối tượng lao động sản xuất theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức để hỗ trợ đối tượng tiếp cận, tham gia các chương trình giáo dục phổ thông các cấp, giáo dục nghề nghiệp và đại học, giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt và hướng nghiệp phù hợp với nhu cầu, khả năng của đối tượng nhằm giúp đối tượng phát triển về thể chất, trí tuệ, nhân cách và hòa nhập cộng đồng.

9. Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội và nâng cao năng lực

a) Cung cấp các dịch vụ về giáo dục xã hội, phát triển khả năng tự giải quyết các vấn đề, giáo dục kỹ năng làm cha mẹ; đào tạo kỹ năng sống cho trẻ em và người chưa thành niên;

b) Hợp tác với các cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng chăm sóc, trợ giúp đối tượng;

c) Tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo cung cấp kiến thức, kỹ năng cho các nhóm đối tượng có nhu cầu.

10. Quản lý đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội.

11. Cung cấp dịch vụ công tác xã hội và tổ chức các hoạt động thực hành công tác xã hội, cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định của pháp luật về công tác xã hội.

12. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn và bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi.

13. Phát triển cộng đồng

a) Liên hệ với người dân, chính quyền các cấp trong việc xác định các vấn đề của cộng đồng để xây dựng chương trình, kế hoạch trợ giúp cộng đồng;

b) Đề xuất chính sách với các cơ quan có thẩm quyền;

c) Xây dựng mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội, tình nguyện viên công tác xã hội.

14. Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, gia đình và các cơ quan, tổ chức có liên quan đưa đối tượng trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ, tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống.

15. Thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về trợ giúp xã hội cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng tự nguyện khác có nhu cầu trợ giúp.

16. Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, phổ biến chính sách pháp luật.

17. Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ theo yêu cầu và các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền quyết định.

18. Tổ chức vận động và tiếp nhận sự hỗ trợ tài chính, hiện vật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

19. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và các nhiệm vụ quy định tại Điều này.

Điều 7. Kinh phí hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội công lập, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước;

b) Nguồn thu hoạt động sự nghiệp (nếu có);

c) Nguồn vốn vay; viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

d) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, bao gồm:

a) Nguồn tự có của chủ cơ sở trợ giúp xã hội;

b) Nguồn trợ giúp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;

c) Nguồn thu từ dịch vụ của đối tượng tự nguyện;

d) Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật;

đ) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội.

Điều 8. Quản lý tài chính, tài sản

1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập

a) Đối với kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ, phải quản lý, sử dụng, báo cáo và quyết toán theo đúng mục đích, chế độ và quy định của pháp luật;

b) Việc sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí phải thực hiện công khai, minh bạch và theo Quy chế hoạt động, Quy chế chi tiêu của cơ sở trợ giúp xã hội và tuân thủ theo quy định của pháp luật;

c) Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm báo cáo kết quả tài chính định kỳ và hằng năm theo quy định của pháp luật.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Điều 9. Yêu cầu chung

1. Môi trường và vị trí

Cơ sở phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông, trường học, bệnh viện, không khí trong lành có lợi cho sức khỏe của đối tượng; có điện, nước sạch phục vụ cho sinh hoạt.

2. Cơ sở vật chất

a) Cơ sở bảo đảm khuôn viên và nhà ở có yếu tố đặc thù, phù hợp với khu vực nông thôn, miền núi và khu vực đô thị;

b) Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, khu làm việc của cán bộ, nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện);

c) Cơ sở vật chất của cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm đạt các tiêu chuẩn về xây dựng; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; có hệ thống trang thiết bị theo dõi, giám sát các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp tại các khu vực phù hợp; bảo vệ môi trường theo quy định. Các công trình, trang thiết bị phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế xây dựng chuyên ngành hiện hành bảo đảm phù hợp cho người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em tiếp cận và sử dụng thuận tiện;

d) Đối với các khối nhà, hạng mục công trình phục vụ chức năng y tế, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cần tuân thủ quy định về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế.

3. Nhân lực trợ giúp xã hội

a) Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không có án tích theo quy định của pháp luật và không thuộc trường hợp đã bị kết án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xâm hại tình dục, mua bán người, kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

b) Nhân viên trợ giúp xã hội phải có sức khỏe để thực hiện trợ giúp xã hội đối tượng; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không có án tích theo quy định của pháp luật và không thuộc trường hợp đã bị kết án về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xâm hại tình dục, mua bán người, kể cả trường hợp đã được xóa án tích; có kỹ năng để trợ giúp xã hội đối tượng;

c) Có đội ngũ nhân viên trợ giúp xã hội bảo đảm đủ về số lượng, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao để thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở; có nhân viên trực tiếp tư vấn, chăm sóc đối tượng;

d) Nhân viên trợ giúp xã hội bao gồm viên chức, người lao động và các nhân sự chuyên môn khác theo quy định của pháp luật, thực hiện các nhiệm vụ về công tác xã hội, tâm lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, y tế, dinh dưỡng, phục hồi chức năng; dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề và các nhiệm vụ chuyên môn khác theo yêu cầu hoạt động của cơ sở. Đối với người làm việc theo hợp đồng lao động, cơ sở trợ giúp xã hội thỏa thuận với người lao động về làm việc toàn thời gian hoặc không trọn thời gian hoặc hợp đồng chuyên gia theo quy định của pháp luật;

đ) Nhân lực trợ giúp xã hội làm việc tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Quy trình cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội

Cơ sở trợ giúp xã hội thực hiện quy trình cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội theo các bước: tiếp nhận, thu thập thông tin và đánh giá nhu cầu chăm sóc, trợ giúp của đối tượng; xây dựng kế hoạch chăm sóc, trợ giúp đối tượng và lập hồ sơ quản lý trường hợp; thực hiện kế hoạch chăm sóc, trợ giúp đối tượng; theo dõi, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, trợ giúp đối tượng; kết thúc quá trình chăm sóc, trợ giúp và lưu trữ hồ sơ.

5. Về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng

Cơ sở có nhân viên y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế phù hợp, tủ thuốc bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu khi cần thiết; cung cấp đồ dùng vệ sinh cá nhân, quần áo, đồ dùng sinh hoạt thường ngày; bảo đảm dinh dưỡng cân đối, hợp lý, đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng thiết yếu để chăm sóc đối tượng, phù hợp với những đối tượng có nhu cầu đặc biệt như trẻ sơ sinh, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ bị ốm hoặc suy dinh dưỡng, người cao tuổi và những đối tượng có chế độ ăn kiêng theo bệnh tật, theo tôn giáo hay tín ngưỡng và bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm. Đối với cơ sở có nhiệm vụ phục hồi chức năng thì phải có nhân viên phục hồi chức năng và trang thiết bị phục hồi chức năng cho đối tượng.

6. Về giáo dục và học nghề

Cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm cho đối tượng được học văn hóa, học nghề phù hợp với khả năng, nhu cầu và theo quy định của pháp luật.

7. Về văn hóa, thể thao, thể dục và giải trí

Cơ sở trợ giúp xã hội bảo đảm cho đối tượng được tiếp cận về văn hóa, thể thao, thể dục và giải trí phù hợp với truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm của đối tượng.

8. Cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động bảo đảm công khai, minh bạch trong cung cấp dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp và công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Yêu cầu cụ thể đối với cơ sở trợ giúp xã hội

1. Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội

a) Cơ sở bảo trợ xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này;

b) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này;

c) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này;

d) Trung tâm công tác xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này;

đ) Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

2. Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể được ban hành tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Tổ chức hoạt động cơ sở trợ giúp xã hội

1. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội

a) Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm gửi thông báo hoạt động của cơ sở bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động) bằng phương thức điện tử trên môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trước khi tổ chức hoạt động ít nhất 05 ngày làm việc (theo Mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này). Cơ sở trợ giúp xã hội được tổ chức hoạt động kể từ ngày hoạt động được ghi trong thông báo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của thông báo và đăng tải thông tin về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này; cập nhật thông tin hoạt động của cơ sở lên Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội. Trường hợp thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội chưa đầy đủ thông tin, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội bổ sung, hoàn thiện thông tin; trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung, hoàn thiện thông tin của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan chuyên môn về y tế thực hiện đăng tải thông tin về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội.

Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động) có trách nhiệm quản lý, theo dõi hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật, các vụ việc phát sinh hoặc các trường hợp có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn, quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

b) Kể từ ngày cơ sở trợ giúp xã hội bắt đầu tổ chức hoạt động, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra theo quy định của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp qua kiểm tra phát hiện cơ sở trợ giúp xã hội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định này, người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tạm dừng hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội theo Mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này và công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời gian tạm dừng hoạt động, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục và đáp ứng các yêu cầu hoạt động theo quy định. Sau khi hoàn thành việc khắc phục và trước khi cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đã thực hiện khắc phục và đáp ứng các yêu cầu hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra việc khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của cơ sở trợ giúp xã hội.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra việc khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của cơ sở trợ giúp xã hội, trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng các yêu cầu, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra để cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động trở lại; trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội chưa đáp ứng các yêu cầu thì yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội tiếp tục khắc phục trong thời hạn tạm dừng hoạt động còn lại theo quyết định tạm dừng hoạt động đã ban hành. Việc kiểm tra, khắc phục và kiểm tra lại trong thời gian tạm dừng hoạt động không làm kéo dài thời hạn tạm dừng hoạt động đã được quyết định.

c) Hết thời hạn tạm dừng hoạt động, trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội vẫn không đáp ứng các yêu cầu hoạt động thì người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định chấm dứt hoạt động theo Mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này; đồng thời đăng tải công khai quyết định chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn

a) Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm gửi thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động) bằng phương thức điện tử trên môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính trước khi tổ chức hoạt động ít nhất 05 ngày làm việc (theo Mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này). Cơ sở trợ giúp xã hội được tổ chức hoạt động kể từ ngày hoạt động được ghi trong thông báo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của thông báo và đăng tải thông tin về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này; cập nhật thông tin hoạt động của cơ sở lên Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội. Trường hợp thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội chưa đầy đủ thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội bổ sung, hoàn thiện thông tin; trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo bổ sung, hoàn thiện thông tin của cơ sở trợ giúp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng tải thông tin về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội.

b) Kể từ ngày cơ sở trợ giúp xã hội bắt đầu tổ chức hoạt động, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện kiểm tra theo quy định của Nghị định số 217/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp qua kiểm tra phát hiện cơ sở trợ giúp xã hội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tạm dừng hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội theo Mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này và công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trong thời gian tạm dừng hoạt động, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khắc phục và đáp ứng các yêu cầu hoạt động theo quy định. Sau khi hoàn thành việc khắc phục và trước khi cơ sở hoạt động trở lại ít nhất 05 ngày làm việc, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã thực hiện khắc phục và đáp ứng các yêu cầu hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ sở trợ giúp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra việc khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của cơ sở trợ giúp xã hội.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra việc khắc phục và đáp ứng các yêu cầu của cơ sở trợ giúp xã hội, trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội đáp ứng các yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo kết quả kiểm tra để cơ sở trợ giúp xã hội hoạt động trở lại; trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội chưa đáp ứng các yêu cầu thì yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội tiếp tục khắc phục trong thời hạn tạm dừng hoạt động còn lại theo quyết định tạm dừng hoạt động đã ban hành. Việc kiểm tra, khắc phục và kiểm tra lại trong thời gian tạm dừng hoạt động không làm kéo dài thời hạn tạm dừng hoạt động đã được quyết định.

c) Hết thời hạn tạm dừng hoạt động, trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội vẫn không đáp ứng các yêu cầu hoạt động thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định chấm dứt hoạt động theo Mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định này; đồng thời đăng tải công khai quyết định chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Thay đổi thông tin hoạt động

1. Khi thay đổi thông tin của cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: tên cơ sở trợ giúp xã hội, địa chỉ trụ sở, số điện thoại, người đứng đầu, loại hình cơ sở trợ giúp xã hội, đối tượng phục vụ, chức năng, nhiệm vụ, nhân lực trợ giúp xã hội và địa bàn hoạt động, người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi bằng phương thức điện tử trên môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quản lý quy định tại Điều 11 Nghị định này ít nhất 05 ngày làm việc trước khi dự kiến nội dung thay đổi thông tin.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo thay đổi thông tin của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan có thẩm quyền quản lý có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ của thông báo và cập nhật thông tin thay đổi về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền quản lý. Trường hợp văn bản thông báo thay đổi thông tin của cơ sở trợ giúp xã hội chưa đầy đủ thông tin, cơ quan có thẩm quyền quản lý yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội bổ sung, hoàn thiện thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc.

3. Đối với các nội dung thay đổi về loại hình cơ sở trợ giúp xã hội, đối tượng phục vụ, chức năng, nhiệm vụ, nhân lực trợ giúp xã hội và địa bàn hoạt động, cơ quan có thẩm quyền quản lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này thực hiện kiểm tra chuyên ngành theo quy định. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh các nội dung thay đổi không bảo đảm yêu cầu quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền quản lý quyết định tạm dừng hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. Hết thời hạn

tạm dừng mà cơ sở trợ giúp xã hội không khắc phục hoặc vẫn không đáp ứng yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền quản lý quyết định chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Cơ sở trợ giúp xã hội thay đổi thông tin hoạt động quy định tại khoản 3 Điều này mà không thực hiện thông báo theo quy định tại Điều này, cơ quan có thẩm quyền quản lý tổ chức kiểm tra, xác minh nội dung thay đổi. Trường hợp nội dung thay đổi không bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này thì quyết định tạm dừng hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội khắc phục trong thời hạn tạm dừng do cơ quan có thẩm quyền quản lý quyết định. Hết thời hạn tạm dừng mà cơ sở trợ giúp xã hội không khắc phục hoặc vẫn không đáp ứng yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền quản lý quyết định chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 13. Tạm dừng hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Tạm dừng một phần hoạt động

Cơ sở trợ giúp xã hội bị tạm dừng một hoặc một số hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng một hoặc một số yêu cầu quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này về cơ sở vật chất, nhân lực trợ giúp xã hội, quy trình, yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trong quá trình thực hiện một hoặc một số hoạt động; có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng;

b) Tiếp nhận đối tượng vượt quá quy mô chăm sóc hoặc không đúng đối tượng phục vụ, phạm vi hoạt động theo thông tin hoạt động được công bố của cơ sở trợ giúp xã hội tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

2. Tạm dừng toàn bộ hoạt động

Cơ sở trợ giúp xã hội bị tạm dừng toàn bộ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng một số yêu cầu quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này về cơ sở vật chất, nhân lực trợ giúp xã hội, quy trình, yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trong quá trình thực hiện hoạt động, có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, an toàn hoặc nhân phẩm của đối tượng;

b) Không đáp ứng quy định về phòng cháy, chữa cháy, an toàn công trình, điện, nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm hoặc các điều kiện thiết yếu khác;

c) Xảy ra hành vi bạo lực, ngược đãi, xâm hại, bỏ mặc, cưỡng bức, bóc lột hoặc hành vi khác xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng theo quy định của pháp luật;

d) Trong thời gian bị yêu cầu tạm dừng một phần hoạt động nhưng không chấp hành hoặc tiếp tục để xảy ra vi phạm khác;

đ) Các nội dung thông tin hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội được công bố sai lệch, gian dối;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở trợ giúp xã hội không được tiếp nhận đối tượng mới trong phạm vi hoạt động bị tạm dừng hoặc trong thời gian bị tạm dừng toàn bộ hoạt động.

4. Thời hạn tạm dừng hoạt động:

a) Thời hạn tạm dừng một phần hoạt động không quá 03 tháng đối với cơ sở trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

b) Thời hạn tạm dừng toàn bộ hoạt động không quá 06 tháng đối với cơ sở trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

Điều 14. Chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Cơ sở trợ giúp xã hội bị chấm dứt một phần hoạt động trong các trường hợp:

a) Hết thời hạn tạm dừng một phần hoạt động nhưng không khắc phục được vi phạm, không đáp ứng các nội dung yêu cầu hoạt động quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này;

b) Trong thời gian bị yêu cầu tạm dừng một phần hoạt động nhưng không chấp hành hoặc tiếp tục để xảy ra vi phạm trong phạm vi hoạt động bị tạm dừng;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở trợ giúp xã hội bị chấm dứt toàn bộ hoạt động trong các trường hợp:

a) Hết thời hạn tạm dừng toàn bộ hoạt động nhưng không khắc phục được vi phạm, không đáp ứng các nội dung yêu cầu hoạt động quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định này;

b) Trong thời gian bị yêu cầu tạm dừng toàn bộ hoạt động nhưng không chấp hành hoặc tiếp tục để xảy ra vi phạm;

c) Xảy ra hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, an toàn hoặc nhân phẩm của đối tượng hoặc hành vi khác xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của đối tượng theo quy định của pháp luật;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quản lý quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này ra quyết định chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội và công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của đối tượng khi tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội

1. Trước khi quyết định tạm dừng một phần hoạt động, tạm dừng toàn bộ hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan có thẩm quyền quản lý phải yêu cầu cơ sở trợ giúp xã hội đề xuất, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định phê duyệt phương án bảo đảm quyền lợi của đối tượng, trong đó phải xác định rõ:

a) Danh sách và tình trạng của từng đối tượng;

b) Phương án tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị, phục hồi chức năng hoặc cung cấp dịch vụ phù hợp cho đối tượng;

c) Địa điểm tiếp nhận, bố trí thay thế trong trường hợp phải bàn giao đối tượng;

d) Phương án bàn giao hồ sơ, thuốc, tài sản và các giấy tờ liên quan của đối tượng;

đ) Trách nhiệm của cơ sở, cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Trường hợp khẩn cấp

Trường hợp phát hiện cơ sở trợ giúp xã hội có hành vi vi phạm đặc biệt nghiêm trọng hoặc tình trạng có nguy cơ trực tiếp đe dọa, xâm hại tính mạng, sức khỏe, an toàn hoặc nhân phẩm của đối tượng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 được quyết định tạm dừng ngay toàn bộ hoạt động hoặc một phần hoạt động của cơ sở; đồng thời chỉ đạo cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương thực hiện ngay các biện pháp bảo vệ, chuyển gửi và bố trí chăm sóc đối với đối tượng.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, ngành

1. Bộ Y tế chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước đối với cơ sở trợ giúp xã hội trong phạm vi cả nước và có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn về quy trình cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội; chuyên môn về trợ giúp xã hội, chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi và các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương khác;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội; xây dựng hệ thống thông tin quản lý người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội và đối tượng sử dụng dịch vụ chăm sóc, trợ giúp xã hội;

c) Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội; người làm công tác xã hội tại xã, phường, đặc khu;

d) Tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quản lý nhà nước đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế về tình hình hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bố trí kinh phí hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội công lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Bố trí kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn bảo đảm tuân thủ các yêu cầu hoạt động theo quy định tại Nghị định này.

4. Quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu và thông tin về cơ sở trợ giúp xã hội, người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội, đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn; công khai thông tin về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định.

5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc quản lý hoạt động của các cơ sở trợ giúp

xã hội trên địa bàn; hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng; huy động, hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

6. Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn cho đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn.

7. Quản lý, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền về hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Bảo đảm kinh phí hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Bố trí kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý, theo dõi, cập nhật thông tin về cơ sở trợ giúp xã hội, người làm công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội, đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trên địa bàn theo quy định.

4. Quản lý, kiểm tra, giám sát, xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp, chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý các vấn đề trong quá trình hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên tham gia giám sát việc quản lý hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn; hỗ trợ đối tượng hòa nhập cộng đồng; huy động, hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

6. Chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn cho đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập trên địa bàn.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ sở

1. Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng (trước ngày 15 tháng 6), hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) và đột xuất với cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 12 năm 2026.

2. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Điều 16 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 21. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ sở trợ giúp xã hội đã được thành lập, cấp giấy phép hoạt động theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục hoạt động và không phải thực hiện thông báo hoạt động ban đầu theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm rà soát, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội được quy định tại Nghị định này và gửi báo cáo kết quả thực hiện các yêu cầu hoạt động đến cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. Hết thời hạn nêu trên, cơ quan có thẩm quyền quản lý thực hiện kiểm tra hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội; trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội không đáp ứng các yêu cầu hoạt động quy định tại Nghị định này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý tạm dừng hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quản lý có trách nhiệm công bố danh sách các cơ sở trợ giúp xã hội đang hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 22. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Y tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 395/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Phụ lục I	Yêu cầu đối với cơ sở bảo trợ xã hội
Phụ lục II	Yêu cầu đối với cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn
Phụ lục III	Yêu cầu đối với cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày
Phụ lục IV	Yêu cầu đối với trung tâm công tác xã hội
Phụ lục V	Yêu cầu đối với trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập
Phụ lục VI	Yêu cầu đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn
Phụ lục VII	Mẫu Thông báo hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội
Phụ lục VIII	Mẫu Thông báo đăng tải thông tin hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội
Phụ lục IX	Mẫu Quyết định tạm dừng/chấm dứt hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội
Phụ lục X	Mẫu Hợp đồng cung cấp dịch vụ chăm sóc

Phụ lục I
YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở bảo trợ xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	**Đối tượng phục vụ:** Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.
II	**Quy mô chăm sóc:** Từ 10 đối tượng bảo trợ xã hội trở lên.
III	**Phạm vi hoạt động:** Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	**Về cơ sở vật chất**
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 20 m^2/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m^2/đối tượng ở khu vực thành thị. Đối với cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, diện tích đất tự nhiên phải đảm bảo tối thiểu 40 m^2/đối tượng ở khu vực thành thị, 50 m^2/đối tượng ở khu vực nông thôn, 60 m^2/đối tượng ở khu vực miền núi.
2	Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân tối thiểu 06 m^2/đối tượng. Đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 08 m^2/đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của đối tượng. Phòng chuyên môn về chăm sóc, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, phòng ăn, khu làm việc của cán bộ, nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh, tắm rửa; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	**Nhân lực trợ giúp xã hội**
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên hỗ trợ tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên hỗ trợ tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho trẻ em tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách 01 trẻ em dưới 18 tháng tuổi, tối đa 06 trẻ em bình thường từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi hoặc tối đa 10 trẻ em bình thường từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi; chăm sóc tối đa 04 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 18 tháng tuổi đến dưới 6 tuổi; chăm sóc tối đa 05 trẻ em khuyết tật hoặc tâm thần hoặc nhiễm HIV/AIDS từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi.
4	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người khuyết tật tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được.
5	Nhân viên chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người cao tuổi không tự phục vụ được.
6	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người tâm thần tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 02 người tâm thần đặc biệt nặng, tối đa 04 người tâm thần nặng hoặc tối đa 10 người tâm thần đã phục hồi, ổn định.
7	Nhân viên chăm sóc người lang thang tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 12 người lang thang (định mức này sử dụng cho các đợt tiếp nhận người lang thang vào cơ sở để đánh giá, đưa về địa phương).

8	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 50 đối tượng.
9	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: 01 nhân viên phục vụ tối đa 20 đối tượng.
10	Nhân viên phục hồi chức năng: 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 30 đối tượng.
11	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề cho tối đa 10 đối tượng.
VI	Cơ sở phải thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội nội trú và các đối tượng khác có nhu cầu; tổ chức trực chuyên môn 24/24 giờ của tất cả các ngày.
VII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng và bố trí người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở; bảo đảm số lượng, cơ cấu nhân lực trợ giúp xã hội tối thiểu theo quy định tại mục V Phụ lục này.

Phụ lục II
YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ TƯ VẤN, DỊCH VỤ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI DÀI HẠN; CƠ SỞ DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT DÀI HẠN

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi dài hạn; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật dài hạn (gọi chung là cơ sở chăm sóc dài hạn) phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	**Đối tượng phục vụ:** Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.
II	**Quy mô chăm sóc:** Từ 10 đối tượng trở lên.
III	**Phạm vi hoạt động:** Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	**Về cơ sở vật chất**
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 20 m^2/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m^2/đối tượng ở khu vực thành thị.
2	Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân tối thiểu 06 m^2/đối tượng; phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của đối tượng; phòng chuyên môn về chăm sóc, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, phòng ăn, khu làm việc của cán bộ, nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	**Nhân lực trợ giúp xã hội**
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên hỗ trợ tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên hỗ trợ tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người cao tuổi còn tự phục vụ được hoặc tối đa 06 người cao tuổi không tự phục vụ được.
4	Nhân viên chăm sóc trực tiếp cho người khuyết tật tại cơ sở: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 người khuyết tật còn tự phục vụ được hoặc tối đa 04 người khuyết tật không tự phục vụ được.
5	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 30 đối tượng.
6	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: 01 nhân viên phục vụ tối đa 30 đối tượng.
7	Nhân viên phục hồi chức năng: 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 30 đối tượng.
8	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề cho tối đa 10 đối tượng.
VI	Cơ sở phải thực hiện chăm sóc dài hạn đối tượng nội trú; tổ chức trực chuyên môn 24/24 giờ của tất cả các ngày.
VII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng và bố trí người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở; bảo đảm số lượng, cơ cấu nhân lực trợ giúp xã hội tối thiểu theo quy định tại mục V Phụ lục này.

Phụ lục III
YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ TƯ VẤN, DỊCH VỤ CHĂM SÓC NGƯỜI CAO TUỔI BAN NGÀY; CƠ SỞ DỊCH VỤ HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT BAN NGÀY

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi ban ngày; cơ sở dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật ban ngày (gọi chung là cơ sở chăm sóc ban ngày) phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	**Đối tượng phục vụ:** Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.
II	**Quy mô chăm sóc:** Từ 10 đối tượng trở lên.
III	**Phạm vi hoạt động:** Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	**Về cơ sở vật chất**
1	Diện tích nơi sinh hoạt của đối tượng bình quân tối thiểu 06 m^2/đối tượng. Nơi sinh hoạt phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt ban ngày của đối tượng; phòng chuyên môn về chăm sóc, tư vấn, can thiệp trị liệu, công tác xã hội, y tế - phục hồi chức năng hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
2	Cơ sở phải có khu sinh hoạt, khu nhà bếp, phòng ăn, khu làm việc của cán bộ, nhân viên, khu vui chơi giải trí, sinh hoạt chung, chăm sóc, can thiệp trị liệu, phục hồi chức năng, tư vấn; hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh, tắm rửa; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	**Nhân lực trợ giúp xã hội**
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên hỗ trợ tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên hỗ trợ tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc đối tượng: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 đối tượng còn tự phục vụ được hoặc tối đa 06 đối tượng cần hỗ trợ.
4	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 30 đối tượng.
5	Nhân viên phục hồi chức năng: 01 nhân viên hướng dẫn phục hồi chức năng cho tối đa 30 đối tượng.
6	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: 01 nhân viên phụ trách tối đa 30 đối tượng.
7	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: 01 giáo viên phụ trách dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề cho tối đa 10 đối tượng.
VI	Cơ sở phải thực hiện chăm sóc đối tượng trong thời gian ban ngày; tổ chức trực chuyên môn trong thời gian làm việc.
VII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng và bố trí người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở; bảo đảm số lượng, cơ cấu nhân lực trợ giúp xã hội tối thiểu theo quy định tại mục V Phụ lục này.

Phụ lục IV
YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRUNG TÂM CÔNG TÁC XÃ HỘI

STT	YÊU CẦU
	Trung tâm công tác xã hội phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	**Đối tượng phục vụ:** Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.
II	**Quy mô quản lý trường hợp hoặc chăm sóc, nuôi dưỡng**: Từ 10 đối tượng trở lên.
III	**Phạm vi hoạt động:** Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	**Về cơ sở vật chất**
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 15 m^2/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m^2/đối tượng ở khu vực thành thị.
2	Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân tối thiểu 06 m^2/01 đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của đối tượng.
3	Phòng chuyên môn về công tác xã hội, chăm sóc, can thiệp, tư vấn, trị liệu và truyền thông, y tế - phục hồi chức năng, tổng đài tư vấn hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ đối tượng.
4	Cơ sở phải có khu nhà ở, khu nhà bếp, phòng ăn, phòng chuyên môn, khu làm việc của cán bộ, nhân viên, khu vui chơi giải trí, hệ thống cấp, thoát nước, điện, đường đi nội bộ; khu vệ sinh, tắm rửa; khu sản xuất và lao động trị liệu (nếu có điều kiện).
V	**Nhân lực trợ giúp xã hội**
1	Nhân viên công tác xã hội: 01 nhân viên công tác xã hội quản lý trường hợp tối đa 50 đối tượng.
2	Nhân viên hỗ trợ tâm lý: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên hỗ trợ tâm lý.
3	Nhân viên chăm sóc: 01 nhân viên chăm sóc phụ trách tối đa 10 đối tượng.
4	Nhân viên y tế: 01 nhân viên y tế phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho tối đa 30 đối tượng.
5	Nhân viên phụ trách dinh dưỡng: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên phụ trách dinh dưỡng.
6	Nhân viên phục hồi chức năng: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 nhân viên phục hồi chức năng.
7	Giáo viên dạy văn hóa, giáo dục đặc biệt, dạy nghề: Mỗi cơ sở có ít nhất 01 giáo viên dạy văn hóa, dạy chuyên biệt, dạy nghề.
VI	Cơ sở phải thực hiện cung cấp dịch vụ công tác xã hội; tổ chức trực chuyên môn phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trường hợp trung tâm công tác xã hội chỉ thực hiện nhiệm vụ tham vấn, tư vấn, truyền thông thì không phải đáp ứng yêu cầu tại số thứ tự 1 mục IV Phụ lục này và nhân sự chỉ cần đáp ứng theo số thứ tự 1, 2, 3, 7 mục V Phụ lục này.
VII	Giám đốc trung tâm công tác xã hội ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng và bố trí người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở; bảo đảm số lượng, cơ cấu nhân lực trợ giúp xã hội tối thiểu theo quy định tại mục V Phụ lục này.

Phụ lục V
YÊU CẦU ĐỐI VỚI TRUNG TÂM HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT SỐNG ĐỘC LẬP

STT	YÊU CẦU
	Trung tâm hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập phải đáp ứng các yêu cầu chung theo quy định tại Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	**Đối tượng phục vụ:** Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.
II	**Về quy mô phục vụ:** Từ 10 đối tượng trở lên.
III	**Phạm vi hoạt động:** Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	**Về cơ sở vật chất**
1	Diện tích đất tự nhiên: Bình quân 15 m^2/đối tượng ở khu vực nông thôn, 10 m^2/đối tượng ở khu vực thành thị.
2	Diện tích phòng ở bình quân tối thiểu 06 m^2/đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của đối tượng. Phòng chuyên môn về công tác xã hội, chăm sóc, can thiệp, tư vấn và truyền thông, y tế - phục hồi chức năng, tổng đài tư vấn hoặc bộ phận khác phải được trang bị dụng cụ, trang thiết bị phục vụ chăm sóc đối tượng.
3	Bố trí các khu, phân khu khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ thực tế của cơ sở thuận tiện cho việc hỗ trợ, cung cấp dịch vụ chăm sóc, tư vấn trợ giúp đối tượng.
V	**Nhân lực trợ giúp xã hội**
1	Cơ sở phải có ít nhất: 01 nhân viên công tác xã hội, 01 nhân viên tư vấn, 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên chăm sóc.
2	Trưởng các bộ phận hoặc phòng, khoa hoặc người chịu trách nhiệm chuyên môn về y tế tại cơ sở phải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.
VI	Cơ sở phải thực hiện cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội, chăm sóc, tư vấn; tổ chức trực chuyên môn phù hợp với từng nhóm đối tượng. Trường hợp trung tâm chỉ thực hiện nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ như tư vấn, huấn luyện kỹ năng sống độc lập, hỗ trợ cá nhân, kết nối việc làm, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng thì không phải đáp ứng yêu cầu về diện tích đất tự nhiên và diện tích phòng ở được quy định tại số thứ tự 1, 2 mục IV Phụ lục này.
VII	Giám đốc cơ sở ngoài công lập quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng và bố trí người làm việc cho phù hợp với tình hình thực tiễn để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của cơ sở; bảo đảm số lượng, cơ cấu nhân lực trợ giúp xã hội tối thiểu theo quy định tại mục V Phụ lục này.

Phụ lục VI
YÊU CẦU ĐỐI VỚI CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI DƯỚI 10 ĐỐI TƯỢNG CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

STT	YÊU CẦU
	Cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn phải đáp ứng các yêu cầu chung quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này và các yêu cầu cụ thể sau đây:
I	**Đối tượng phục vụ:** Theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.
II	**Về quy mô chăm sóc:** Dưới 10 đối tượng.
III	**Phạm vi hoạt động:** Tỉnh, thành phố/xã, phường, đặc khu.
IV	**Về cơ sở vật chất**
1	Đáp ứng các điều kiện cơ bản về nhà ở, nhà bếp, điện, nước phục vụ sinh hoạt hằng ngày cho đối tượng.
2	Diện tích phòng ở của đối tượng bình quân tối thiểu 06 m^2/01 đối tượng. Phòng ở phải được trang bị đồ dùng cần thiết phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của đối tượng.
V	**Nhân lực trợ giúp xã hội:** Cơ sở phải có nhân viên công tác xã hội, nhân viên chăm sóc.

Phụ lục VII
MẪU THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

TÊN CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ……../TB-……	*….., ngày …. tháng ….. năm …*

THÔNG BÁO
Về việc hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội …. (1)

Kính gửi: ……

Căn cứ Nghị định số …/2026/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội;

Nay, … (1) thông báo hoạt động với các nội dung sau:

1. Tên cơ sở, địa chỉ trụ sở, số điện thoại

……

2. Họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số hộ chiếu/số định danh cá nhân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các sáng lập viên hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở

……

3. Loại hình cơ sở

……

4. Địa bàn hoạt động

……

5. Đối tượng phục vụ

……

6. Các nhiệm vụ của cơ sở

……

7. Vốn điều lệ; vốn của doanh nghiệp thành lập (vốn đầu tư)

……

8. Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh (cơ sở được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) hoặc Số Quyết định thành lập/Số Giấy phép hoạt động/Chứng nhận đăng ký hoạt động (cơ sở được thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; pháp luật khác có liên quan)

……

9. Thông tin giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở (3)

……

10. Thông tin đăng ký thuế

.....

11. Danh sách nhân sự làm việc tại cơ sở trợ giúp xã hội (Họ và tên, ngày/tháng/năm sinh, giới tính, chức danh, vị trí việc làm, chứng chỉ hành nghề (nếu có))

12. Kê khai việc đáp ứng các yêu cầu chung và các yêu cầu khác đối với loại hình cơ sở theo quy định của Nghị định này

(1) ..... Đề nghị .... (2) xem xét thông báo hoạt động của cơ sở với nội dung sau:

1. Tên cơ sở:.....

2. Người đứng đầu cơ sở:.....

3. Địa chỉ, số điện thoại, số fax của cơ sở:.....

4. Địa bàn hoạt động:.....

5. Nhiệm vụ của cơ sở:.....

6. Đối tượng phục vụ:.....

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động (ngày bắt đầu hoạt động ../../..): .....

Tôi/Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là chính xác, trung thực; cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông báo và hoạt động của cơ sở.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Tên cơ sở trợ giúp xã hội; (2) Cơ quan có thẩm quyền công bố; (3) Trường hợp chưa khai thác được cơ sở dữ liệu về đất đai thì người đứng đầu cơ sở gửi cho cơ quan có thẩm quyền quản lý bản sao có chứng thực đối với giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở.

Phụ lục VIII
MẪU THÔNG BÁO ĐĂNG TẢI THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH THÔNG BÁO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…./TB-….	*…., ngày … tháng … năm ….*

THÔNG BÁO
Về việc đăng tải thông tin hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội …(1)

Căn cứ Nghị định số …/2026/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ Thông báo hoạt động của ……(1) ngày … tháng … năm …;

Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo các thông tin về hoạt động của ……(1) như sau:

1. Tên cơ sở:……
2. Người đứng đầu cơ sở:……
3. Địa chỉ, số điện thoại của cơ sở:……
4. Địa bàn hoạt động:……
5. Nhiệm vụ của cơ sở:……
6. Đối tượng phục vụ:……
7. Thời điểm bắt đầu hoạt động: ……
8. Một số vấn đề khác:……

Thông báo này được đăng tải trên …… theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: - …..; - …..; - Lưu: VT,…	**CHỨC DANH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: (1) Tên cơ sở trợ giúp xã hội.

Phụ lục IX
MẪU QUYẾT ĐỊNH TẠM DỪNG/CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:…./QĐ-….	…., ngày … tháng … năm ….

QUYẾT ĐỊNH
Tạm dừng/chấm dứt hoạt động của…… (1)

CHỨC DANH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

Căn cứ Nghị định số …/2026/NĐ-CP ngày … tháng … năm … của Chính phủ quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội;

Căn cứ ……;

Theo đề nghị của ……...(2);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm dừng/chấm dứt hoạt động của …(1), cụ thể như sau:

- Tên cơ sở: ……

- Người đứng đầu/người đại diện theo pháp luật của cơ sở: ……

- Địa chỉ, trụ sở chính của cơ sở:……...

- Điện thoại:……..

- Địa bàn hoạt động:……..

- Tạm dừng một phần/toàn bộ hoạt động…….. từ ngày …/…/… đến ngày …/…/… (đối với trường hợp tạm dừng).

- Chấm dứt một phần/toàn bộ hoạt động……... từ ngày …/…/… (đối với trường hợp chấm dứt).

- Lý do tạm dừng/chấm dứt hoạt động của cơ sở:……

Điều 2. Cơ sở có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định; bảo đảm quyền lợi của đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ thời điểm được ban hành.

Điều 4. Cơ quan, đơn vị, người đại diện theo pháp luật của cơ sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:	**CHỨC DANH NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**
- …..;	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
- Cơ sở trợ giúp xã hội …;	
- Lưu: VT,…	

Ghi chú: (1) Tên cơ sở trợ giúp xã hội; (2) Người có thẩm quyền đề nghị.

Phụ lục X
MẪU HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHĂM SÓC

TÊN CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ..../HĐ-....	*...., ngày... tháng... năm...*

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHĂM SÓC
Chăm sóc, trợ giúp đối tượng tại …….. (tên cơ sở)

Căn cứ Nghị định số..../2026/NĐ-CP ngày...tháng...năm... của Chính phủ quy định về hoạt động và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội;

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm 20..., tại……., chúng tôi gồm có:

A. Đại diện (Tên cơ sở), Bên A:

1. Đại diện: Ông (bà)……..

Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu:……

2. Chức vụ:……..

3. Tên cơ sở: ……

4. Địa chỉ, số điện thoại: .....

5. Số tài khoản: …….. Mở tại ngân hàng: .....

B. Đại diện cho đối tượng, Bên B:

1. Người đại diện của đối tượng:

Ông (bà) …… là .....

Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu hoặc số hiệu của giấy tờ khác theo quy định của pháp luật (nếu có): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Số tài khoản: …….. Mở tại ngân hàng: .....

2. Tên đối tượng được cung cấp dịch vụ chăm sóc:

Ông (bà) …… là .....

Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu hoặc số hiệu của giấy tờ khác theo quy định của pháp luật (nếu có): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Số tài khoản (nếu có): …….. Mở tại ngân hàng: .....

Hai bên đã cùng nhau trao đổi thảo luận về việc ký kết hợp đồng chăm sóc đối tượng với những điều khoản sau:

Điều 1. Trách nhiệm của (Tên cơ sở) …… tiếp nhận chăm sóc, trợ giúp ông/bà/cháu: ……

Thông tin cá nhân: Số căn cước/Số định danh cá nhân, nơi cấp; Ngày sinh; Giới tính; Dân tộc; Nơi cư trú; Nơi ở hiện nay; Tình trạng sức khỏe; Số điện thoại liên hệ.

Ông/bà được phân đến ở tại: Phòng ..... nhà ..... (hoặc tổ, nhóm .....)

Mức sinh hoạt phí ..... đ/ngày (hoặc tháng).

Điều 2. Trách nhiệm của đối tượng: Trong thời gian sống tại ..... ông/bà phải tuân thủ các nội quy, quy định của cơ sở và tích cực hòa nhập, tham gia các hoạt động chung của cơ sở.

Điều 3. Thời hạn hợp đồng và kinh phí:

1. Thời hạn hợp đồng:

Từ ngày ..... tháng .... năm .... đến ngày .... tháng... năm .....

2. Kinh phí:

Bên B có trách nhiệm đóng kinh phí cho Bên A theo thỏa thuận giữa hai bên là ..... đồng/tháng. Lần thứ nhất được thực hiện ngay sau khi ký Hợp đồng này (chuyển khoản hoặc tiền mặt), lần thứ hai .....

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng

Hết thời hạn hợp đồng hoặc chưa hết thời hạn hợp đồng, hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, thanh lý hợp đồng. Một trong hai bên thông báo trước ít nhất 07 ngày cho bên kia và thỏa thuận chi phí sử dụng (nếu có):.....

Điều 5. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, những điều khoản không có trong hợp đồng được thực hiện theo thống nhất giữa hai bên và theo quy định của pháp luật.

2. Nếu phát sinh tranh chấp về hợp đồng, các bên sẽ tiến hành thương lượng, thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, một trong các bên có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

3. Hợp đồng được lập thành 04 bản, các bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

4. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày .....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI
(Ký, đóng dấu)